Phân tích nhân vật Thị trong truyện vợ nhặt - Mẫu 7

Trong nền văn học hiện thực Việt Nam giai đoạn những năm trước cách mạng và những năm đầu sau cách mạng tháng tám, Kim Lân là một trong những cái tên nổi bật nhất khi viết về đề tài người nông dân trong xã hội cũ. Dù có số lượng tác phẩm hạn chế, thế nhưng hầu như tác phẩm nào của Kim Lân cũng hay và có nhiều giá trị, là cơ sở xếp nhà văn vào một trong 9 tác giả tiêu biểu nhất của nền văn học Việt Nam hiện đại. Điểm sáng và đáng lưu ý nhất trong các tác phẩm của Kim Lân ấy là giọng văn nhẹ nhàng, tình cảm, các tác phẩm của ông chủ yếu tập trung làm nổi bật vẻ đẹp tâm hồn của người, hướng đến một lối thoát nhân văn cho những kiếp người lầm than khốn khổ, chứ không tập trung tái hiện hiện thực khắc nghiệt đau thương của xã hội cũ. Vợ nhặt là một trong số những tác phẩm nổi tiếng và xuất sắc nhất của Kim Lân, đặt trong bối cảnh đất nước những ngày đau thương nhất – nạn đói năm 1945. Nhân vật vợ Tràng là một trong những kiếp người khốn khổ tột cùng, cái đói đã khiến thị tàn tạ, xơ xác, để nên xấu xí trong mắt người đời, thế nhưng khi tìm hiểu sâu về nhân vật này ta mới phát hiện ra ở thị cũng có những phẩm chất tốt đẹp, đáng quý.

Nhân vật thị là một người đàn bà không tên, không tuổi, không quê quán, gốc gác, không gia đình, và cũng chẳng ai biết thị từ đâu đến, cả cuộc đời trước khi gặp Tràng của thị dường như chẳng có gì để nhắc người ta nhớ đến. Cái hoàn cảnh khốn khổ của thị, chính là hoàn cảnh chung của rất nhiều người nông dân trong nạn đói năm 1945, tại cái thời điểm mà kiếp người rẻ rúng như cọng rơm cọng rác nhặt ngoài đường. Không chỉ nghèo khó, không lai lịch, tên tuổi mà trên người thị còn mang đủ những bất hạnh của một người đàn bà, thị không có một nhan sắc xinh đẹp, và cái đói khổ nó lại càng làm cho cái nhan sắc xấu xí ấy thêm phần thảm hại, người ta bắt gặp thị trong bộ ““áo quần tả tơi như tổ đỉa”, người ngợm “gầy xọp”, “trên khuôn mặt lưỡi cày xám xịt chỉ còn thấy hai con mắt”, rồi “cái ngực gầy lép nhô lên” và “hai con mắt trũng hoáy”. Bấy nhiêu những nét vẽ ấy cũng đủ để thấy bản thân thị cũng đang bước dần những bước cuối đến cái nghĩa địa của cuộc đời như nhiều số phận khốn khổ khác trong nạn đói kinh hoàng.

Đã không có một ngoại hình hấp dẫn, nhưng cách nói năng, hành động của thị cũng khiến người ta mang nhiều phản cảm. Khi nghe anh Tràng hò mấy câu đùa cho khuây khỏa, nghe thấy có cái ăn thị đã cong cớn, mỉa mai, rồi cũng chẳng biết ngại ngần thị sấn tới tranh đẩy xe với Tràng, “liếc mắt, cười tít”. Tuy nhiên sau bữa đẩy xe phụ, mà không được cái ăn, khi gặp lại Tràng thị đã sưng sỉa, chỉ thẳng vào mặt Tràng mà mắng “Điêu, người thế mà điêu”. Khi nghe thấy anh Tràng đãi ăn “hai con mắt trũng hoáy của thị sáng lên”, điệu dáng đon đả, đổi hẳn thái độ. Và rồi thị cúi đầu ăn một chặp 4 bát bánh đúc không thèm chuyện trò gì, ăn xong thì lấy đôi đũa quệt ngang miệng, thở “hà”. Quả thực trước giờ chưa từng thấy người đàn bà nào trước mặt một người đàn ông lạ mới gặp hai lần mà có thể thoải mái, thậm chí đến mức vô duyên, trơ trẽn, hành động táo bạo và bất chấp vì miếng ăn như thị. Nạn đói nó khiến cho tâm hồn và nhân cách con người trở nên rẻ rúng, thiểu não quá. Nhưng đến khi xét kỹ lại, nhìn lại những hành động của nhân vật thị một cách nhân văn hơn, ta mới nhận ra rằng, thực tế khi đứng trước cái chết, cái đói, và đứng trước viễn cảnh hàng triệu người đang chết như ngả rạ trước mặt khó ai có thể bình tĩnh và cư xử một cách bình thường nổi. Ai mà không sợ chết, thị cũng sợ chết, và ngay lúc này đây khi gặp Tràng khi phải đối diện với lưỡi hái của tử thần mà lại bắt được cọng rơm cứu mạng, thì những khao khát được sống sót của thị bùng cháy. Thị bất chấp tất cả để có được miếng ăn, vứt bỏ hết liêm sỉ, nhân cách chỉ vì được sống, quyết không buông bỏ cuộc sống dễ dàng. Không chỉ có khao khát sống mãnh liệt mà bản thân thị còn có những khao khát được hạnh phúc, được có một mái ấm, một tấm chồng để nương tựa những lúc khó khăn như này. Thành thử ra chỉ với một câu nói nửa đùa nửa thật “Này nói đùa chứ có về với tớ thì ra khuân hàng lên xe rồi cùng về”, mà thị đã không ngần ngại nhận lời, trở thành người vợ mặt dày, mày dạn theo không Tràng. Đối với thị bây giờ cỗ bàn, đám rước đám hỏi chẳng còn quan trọng, miễn sao là có được một chỗ trú chân, một gia đình và qua được cái đói thì mọi chuyện đều có thể cho qua hết. Thế là thị đã nên vợ nên chồng với Tràng bằng những niềm hy vọng mới mẻ, thị mong rằng cái người trước mắt đã có thể sảng khoái mà đãi mình 4 bát bánh đúc, thì hẳn sau chung sống hắn cũng sẽ tử tế với mình, được nhiêu đó cũng đủ mãn nguyện rồi. Như vậy bên cạnh ý nghĩa nhân văn trong sự kiện thị theo không Tràng, thì Kim Lân cũng phản ánh một hiện thực đau xót của xã hội lúc bấy giờ: giá trị con người dường như đã xuống đến mức âm, thậm chí còn không bằng cọng rơm cọng rác, để đến nỗi những người làng trông thấy Tràng dẫn vợ về họ còn cho đó là “của nợ”.

Những tưởng thị trời sinh đã đanh đá, chỏng lỏn và sưng sỉa nhưng khi nhìn thấy dáng vẻ của thị sau khi làm vợ Tràng ta mới nhận ra rằng, sự vô duyên, ghê gớm của thị chỉ là một cái vỏ bọc bảo vệ thị trong nạn đói, thực tế rằng thị cũng là một người phụ nữ có nhiều phẩm chất tốt đẹp được giấu kín sau dáng vẻ tàn tạ, khốn khổ kia. Trên đường trở về nhà với Tràng, thị bỗng trở nên “e thẹn, rón rén”, đầu cúi xuống, cái nón tà nghiêng nghiêng che nửa đi khuôn mặt đang ngại ngùng, đúng với dáng vẻ của một cô dâu khi bước về nhà chồng. Gặp phải cảnh trêu chọc của đám trẻ con, ánh nhìn ái ngại của những người làng, thị thấy khó chịu, tủi cho phận mình là một người vợ theo không, thành thử ra thị càng trở nên bối rối “ngượng nghịu, chân nọ bước díu cả chân kia”, nom đến thương vô cùng. Khi đến nhà Tràng khung cảnh xác xơ, tiêu điều của một căn nhà tạm, không có bàn tay người đàn bà săn sóc, không khỏi khiến thị thất vọng, buồn lòng, bởi có lẽ thị đã hy vọng về một ngôi hà tươm tất, đủ đầy hơn, để cuộc đời thị từ đây bớt khổ sở. Nhưng cảnh trước mắt kém quá xa so với những gì thị tưởng tượng, tuy nhiên thị không vì thất vọng mà phàn nàn với Tràng, thị bỗng trở thành một người đàn bà nhẫn nhịn và tế nhị “cái ngực gầy lép nhô hẳn lên, rồi nén một tiếng thở dài”. Thị đã cất hết cái thất vọng, buồn bã của mình vào lòng, không để Tràng biết, quyết tâm cùng người chồng mới cưới xây dựng gia đình, phấn đấu vượt qua cái nghèo cái khó. Khi ra mắt mẹ chồng, thị đã rất phải phép mà chào bà cụ Tứ, khi tưởng cụ không nghe thấy thị đã chào thêm lần nữa, dáng điệu khép nép, ngại ngùng, thực sự thị đã lột xác trở thành một nàng dâu hiền lành, e ấp, khác hẳn với dáng bộ của người đàn bà đanh đá, chua ngoa ở chợ tỉnh.

Sau đêm tân hôn, thị lột xác trở thành một người phụ nữ của gia đình, đảm đang tháo vát, gánh lấy cái trách nhiệm thu xếp nhà cửa, đem đống quần áo rách ra sân hong, gánh nước, quét sân, gom rác đem vứt, rồi dọn cơm,… Không khí gia đình trở nên hòa hợp vui vẻ và có nhiều hy vọng hơn cả. Đặc biệt khi đối diện với nồi cháo cám đắng ghét, nghẹn bứ nơi cổ họng của bà cụ Tứ, “đôi mắt thị tối lại” nhưng vẫn “điềm nhiên và vào miệng”, không nói năng hay tỏ thái độ gì. Cách cư xử tế nhị ấy của thị, đã bộc lộ một nét tính cách khác của thị ấy là sự thấu hiểu và cảm thông cho người mẹ già thương con, thị hiểu rằng vì nghèo quá không có gì đãi con nhân ngày tân hôn thế nên bà cụ tội nghiệp mới cố kiếm một nồi cháo cám. Và trong không khí gia đình vui vẻ ấy, thị không muốn phá hỏng nó, khiến cho bà cụ trở nên bối rối. Cuối cùng cảnh thị kể việc ở Thái Nguyên, Bắc Giang người ta không chịu đóng thuế mà đi phá kho thóc của Nhật đã bộc lộ những suy nghĩ và hướng nhìn mới của thị, người đàn bà bà này không cam chịu cuộc đời đói kém, và có lẽ trong một mai thị sẽ cùng chồng là Tràng đi phá kho thóc, theo cách mạng để giải phóng cuộc đời, tìm kiếm một tương lai tươi sáng hơn.

Nhân vật thị trong truyện ngắn Vợ nhặt của Kim Lân là nhân vật đại diện cho hàng triệu kiếp người nông dân Việt Nam trong nạn đói năm 1945. Tuy nhiên sống trong cảnh khốn khổ cùng đường nhưng thị vẫn giữ cho mình được những vẻ đẹp tâm hồn quý giá, tiêu biểu nhất ấy là niềm khao khát được sống, khao khát hạnh phúc, niềm hy vọng vào một tương lai mới tốt đẹp hơn. Bộc lộ rõ nét tư tưởng nhân văn, nhân đạo mà tác giả muốn truyền tải trong tác phẩm của mình.